

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND huyện Xuân Lộc về việc ban hành Quy chế làm việc của UBND huyện Xuân Lộc, nhiệm kỳ 2021-2026;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Việt Đức tại Văn bản số: 02/2023/MT-VĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1088/TTr-TNMT ngày 18 tháng 8 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Việt Đức có địa chỉ tại ấp 2, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm may mặc, công suất 1.950.000 sản phẩm/năm tại ấp 2, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

- 1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm may mặc, công suất 1.950.000 sản phẩm/năm.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: ấp 2, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- 1.3. Giấy đăng ký kinh doanh: Mã số doanh nghiệp 3602470907
- 1.4. Mã số thuế: 3602470907
- 1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: May mặc.
- 1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư: Công suất 1.950.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

- 2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Nguyễn Văn Linh

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(kèm theo Giấy phép môi trường số: ...5.7.....ngày 07 tháng 9.. năm 2023
của UBND huyện Xuân Lộc.

A. NỘI DUNG CẤP GIẤY XẢ NƯỚC THẢI**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

Nguồn phát sinh: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên (khu nhà vệ sinh, nhà ăn).

2.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Vị trí tại ấp 2, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai. Tự chảy ra Suối Đá sau đó chảy ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là Sông Ray.

2.2. Vị trí xả thải:

- Tại ấp 2, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: (Theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3⁰): X = 1.202.052,48; Y = 466.621,32).

2.3. Lưu lượng xả thải lớn nhất 100 m³/ngày,đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy ra suối Đá, sau đó ra nguồn tiếp nhận cuối cùng: Sông Ray.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, K_q = 0,9; K_f = 1,1, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6-9	06 tháng/lần
2	BOD ₅	mg/l	29,7	06 tháng/lần
3	COD	mg/l	74,25	06 tháng/lần
4	TSS	mg/l	49,5	06 tháng/lần
5	Tổng Nitơ (N)	mg/l	19,8	06 tháng/lần
6	Tổng phopho (P)	mg/l	3,96	06 tháng/lần
7	Amoni	mg/l	4,95	06 tháng/lần

8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95	06 tháng/lần
9	Tổng Colofom	mg/l	3.000	06 tháng/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải.

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải đưa về hệ thống xử lý nước thải.

- Đối với nước thải sinh hoạt: Công ty đã xây dựng 7 bể tự hoại tại 05 khu vực: 01 bể tự hoại tại khu vực nhà văn phòng (thể tích 10 m^3), 01 bể tự hoại tại khu vực xưởng 1 (thể tích 10 m^3), 01 bể tại khu vực xưởng 2 (thể tích 10 m^3), 01 bể tại khu vực xưởng 3 (thể tích 10 m^3), bể tại khu vực xưởng 4 (thể tích 10 m^3), 02 bể tại nhà vệ sinh chung (thể tích 10 m^3); tổng thể tích 7 bể là 70 m^3 . Hệ thống thoát nước thải từ các nhà vệ sinh xuống bể tự hoại làm bằng đường ống PVC chịu áp lực có đường kính $\varnothing 168$, $\varnothing 114$, $\varnothing 90$ và $\varnothing 60$. Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt, nhà ăn của cán bộ, công nhân sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại sẽ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm}$ bằng đường ống nhựa PVC chịu lực có đường kính $\varnothing 90$.

- Nước thải sản xuất: Việc hoạt động của Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm may mặc không phát sinh nước thải sản xuất; chỉ phát sinh nước thải từ việc xả cặn lò hơi khoảng $4 \text{ m}^3/\text{lần}$ (xả định kỳ 02 lần/tháng). Lượng nước thải này được lắng cặn trước khi cùng nước thải sinh hoạt được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải $\rightarrow$ song chắn rác $\rightarrow$ bể tiếp nhận $\rightarrow$ bể điều hòa $\rightarrow$ bể sinh học hiếu khí $\rightarrow$ bể lắng $\rightarrow$ bể khử trùng (bồn hóa chất) $\rightarrow$ thiết bị lọc $\rightarrow$ nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: Công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày, đêm}$.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của nhà Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm may mặc đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất gây ô nhiễm môi trường theo QCVN 40:2011/BTNMT Cột A, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$.

2.2 Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa đảm bảo không để nước mưa chảy qua Nhà xưởng, không tắc nghẽn, thoát nước dễ dàng, không gây ứ đọng ngập úng cục bộ. Định kỳ thực hiện thu gom, quét dọn bụi, chất thải trên đường không để tình trạng nước mưa cuốn các chất gây ô nhiễm môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(kèm theo Giấy phép môi trường số: 5.7.....ngày 07 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Xuân Lộc.

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải: Khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Tại ấp 2, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.
- Tọa độ vị trí xả khí thải: (Theo hệ tọa độ VN 2000, múi chiều 3⁰): X = 1.201.960; Y = 466.640).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 2.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải theo các thời điểm trong ngày, thời gian xả khí thải từ 8 giờ sáng đến 17 giờ chiều, từ thứ 2 đến thứ 7 trong tuần.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, hệ số Kp = 1, Kv = 1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất gây ô nhiễm	đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần xuất quan trắc định kỳ
1	Bụi	mg/Nm ³	240 mg/Nm ³	06 tháng/lần
2	NO ₂	mg/Nm ³	1020 mg/Nm ³	06 tháng/lần
3	SO ₂	mg/Nm ³	600 mg/Nm ³	06 tháng/lần
4	CO	mg/Nm ³	1200 mg/Nm ³	06 tháng/lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải.

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải: Để xử lý khí thải Công ty đã bố trí hệ thống thu gom khí thải tại lò hơi để thu gom xử lý khí thải phát sinh tại lò hơi.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Quy trình xử lý khí thải: Khí thải → Bể lọc ướt → Ông khói → thoát ra môi trường.

- Công suất thiết kế: Công suất thiết kế, xử lý khí thải 2.000 m³/giờ.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Thu gom xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Nhà xưởng sản xuất các sản phẩm may mặc đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép tại Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải theo QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, hệ số $K_p = 1$, $K_v = 1,2$).

2.2 Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

- Bố trí máy phát điện dự phòng vị trí thích hợp, thông thoáng có mái che, không để khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng ảnh hưởng đến công nhân viên trong nhà xưởng.

- Thường xuyên phun xịt sân đường giao thông và các khu vực trong nhà máy nhằm giảm thiểu bụi phát sinh từ quá trình hoạt động của phương tiện giao thông ra vào nhà xưởng. Bố trí công nhân thường xuyên vệ sinh, quét dọn, thu gom rác trong khuôn viên nhà máy.

Phụ lục 3

YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN ĐỘ RUNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số: ...57..... ngày 07 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Xuân Lộc.

Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh từ quá trình hoạt động của máy móc; ngoài ra còn có tiếng ồn của máy phát điện dự phòng. Để giảm thiểu những tác động trên nhà xưởng lắp hệ thống thông gió, làm mát nhà xưởng giảm thiểu tác động của nhiệt dư, tiếng ồn làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân. Nhà xưởng xây dựng nền móng xi măng vững chắc của các thiết bị nhằm giảm thiểu độ rung của máy móc không gây ảnh hưởng đến các hộ xung quanh, đồng thời thường xuyên kiểm tra sự cân bằng của máy và bôi trơn các thiết bị. Nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của ô nhiễm tiếng ồn tới khu vực xung quanh cũng như bảo vệ sức khỏe cho công nhân trực tiếp làm việc tại nhà xưởng, nhà xưởng đã thực hiện các biện pháp sau:

- Cách lý hợp lý các nguồn gây tiếng ồn với khu vực xung quanh bằng việc xây tường rào bao quanh;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc hoạt động tốt;
- Các giải pháp cục bộ bảo vệ công nhân: trang bị phương tiện chống ồn: nút bịt tai, bông gòn;
- Công nhân làm việc tại các nơi gây ồn nhiều sẽ được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và bố trí ca, kíp luân phiên hợp lý đảm bảo điều kiện làm việc tốt, không để xảy ra tình trạng công nhân phải làm việc liên tục trong khu vực có độ ồn cao.
- Tiến hành trồng cây xanh xung quanh khu vực để giảm lan truyền tiếng ồn.
- * Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ các phương tiện lưu thông ra vào dự án
- Tiếng ồn, rung từ các phương tiện lưu thông ra vào nhà xưởng chủ yếu tập trung vào giờ cao điểm, và quá trình vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm, biện pháp chống ồn được áp dụng như sau:
 - Hạn chế vận chuyển hàng vào ban đêm, giờ tan ca để giảm thiểu tác động do tiếng ồn đến khu vực xung quanh;
 - Lắp đặt biển báo, quy định giao thông trong khu vực dân cư và khuôn viên nhà xưởng.
 - Tiến hành bảo dưỡng định kỳ đối với tất cả các phương tiện vận chuyển, thay thế những bộ phận hư hỏng,...
 - Trồng cây xanh trong khuôn viên nhà xưởng.

- Bố trí khu vực để xe hợp lý.
- Quy định tốc độ xe ra vào cho nhân viên và khách, vận tốc tối đa 5 km/giờ.
- Máy phát điện để khu riêng biệt, cách ly với khu vực sản xuất, văn phòng; lắp đặt máy phát điện chắc chắn, có vỏ bọc chống ồn và đệm cao su chống rung.
- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Trong quá trình hoạt động sản xuất, của nhà xưởng đảm bảo tuân thủ theo QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(kèm theo Giấy phép môi trường số: 5.7. ngày 07 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Xuân Lộc.

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

- Chất hấp thụ, vật liệu lọc giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, khối lượng phát sinh 50 kg/năm.
- Bóng đèn huỳnh quang, khối lượng phát sinh 5 kg/năm.
- Bao bì cứng bằng nhựa, khối lượng phát sinh 10 kg/năm.
- Rác y tế, khối lượng phát sinh 5 kg/năm.
- Dầu nhớt thải, khối lượng phát sinh 5 kg/năm.

1.2. Khối lượng chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Vải vụn, vải thừa, ống chỉ, dây khóa; khối lượng phát sinh 15.000 kg/năm.
- Chất thải rắn sản xuất không nguy hại thuộc nhóm giấy lót, túi giấy, hộp giấy; khối lượng phát sinh 12.000 kg/năm.
- Chất thải rắn sản xuất không nguy hại thuộc nhóm kim loại, thùng, hộp kim loại; khối lượng phát sinh 4.100 kg/năm.
- Chất thải rắn sản xuất không nguy hại thuộc nhóm nhựa, chai nhựa, hoopjm túi nhựa; khối lượng phát sinh 6.500 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm; khối lượng phát sinh 2.500 kg/năm.
- Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế; khối lượng phát sinh 600 kg/năm.
- Chất thải rắn sinh hoạt còn lại; khối lượng phát sinh 500 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phải được phân loại, bảo quản theo chủng loại trong các thùng chứa, bồn chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Có gắn nhãn bao bì tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại theo danh mục; mô tả về nguy cơ dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa chất thải nguy hại.

- Chất thải nguy hại phải được chứa trong kho chứa (15 m²), kho chứa phải có mái che, tường bao quanh được phân chia khu vực hợp lý, tương ứng từng loại chất thải.

- Chất thải nguy hại được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được phân loại, thu gom tập trung vào kho chứa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phải được chứa trong kho chứa (15 m^2), kho chứa phải có mái che, tường bao quanh được phân chia khu vực hợp lý, tương ứng từng loại chất thải.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải sinh hoạt: Bố trí kho chứa, các thùng rác từng khu vực, loại thùng chứa có dung tích 90 lít, 120 lít để đựng chất thải sinh hoạt. Chất thải sau khi được thu gom, phân loại bảo quản cẩn thận, không để xảy ra tình trạng các thùng chứa chất thải bị phân hủy gây ô nhiễm môi trường, khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt phải được che chắn cẩn thận, có tường bao quanh. Chất thải rắn sinh hoạt phải được chứa vào kho chứa có diện tích 15 m^2 . Chất thải rắn sinh hoạt được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom định kỳ.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở và đồng thời thông báo đến Ủy ban nhân dân xã Xuân Tâm về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh (Theo khoản 4 Điều 124 và khoản 2 Điều 129 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020).

- Có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở và gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường đến ủy ban nhân dân xã Xuân Tâm và Ban chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn huyện Xuân Lộc (theo khoản 3 điều 110, Nghị định 08/2022/NĐ-CP).

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo Giấy phép môi trường số 57 ngày 07 tháng 9 năm 2023 của UBND huyện Xuân Lộc.

a. Phòng chống sự cố cháy nổ

Có kế hoạch ứng phó sự cố cháy nổ, trang bị vật dụng thiết bị để ứng phó sự cháy nổ, thường xuyên tập huấn cho nhân viên làm việc trong nhà máy về công tác ứng phó sự cố cháy nổ.

b. Kho chứa chất thải

Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải có mái che, xung quanh có gờ bao để phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường. Nhà kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

Thường xuyên theo dõi hoạt động của các máy móc xử lý, tình trạng hoạt động của các bể xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời. Các máy móc, thiết bị đều có dự phòng để phòng trường hợp hư hỏng cần sửa chữa.